

## CÔNG BỐ KHOA HỌC CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP GIAI ĐOẠN 2003 - 2013 VÀ ĐỀ XUẤT MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG

• TS. Nguyễn Văn Dũng (\*), ThS. Nguyễn Trung Hiếu (\*), ThS. Võ Đức Thịnh (\*)

### Tóm tắt

*Bài viết thống kê số bài báo khoa học của Trường Đại học Đồng Tháp trong giai đoạn 2003-2013 và so sánh số bài báo khoa học theo chuẩn ISI của Trường Đại học Đồng Tháp trong giai đoạn này với các trường đại học công lập trong vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Tác giả đề xuất một số định hướng nhằm mục đích nâng cao số bài báo khoa học của Trường Đại học Đồng Tháp trong thời gian tới.*

*Từ khoá: ISI, bài báo khoa học*

### 1. Đặt vấn đề

Các văn bản pháp quy đã nêu rõ nhiệm vụ nghiên cứu khoa học (NCKH) và chuyển giao công nghệ là một trong những nhiệm vụ chính của giảng viên (GV) trường đại học (ĐH). Bên cạnh đó, bộ môn là đơn vị cơ sở về đào tạo, khoa học và công nghệ của trường ĐH, chịu trách nhiệm về học thuật trong các hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ [2], [7], [9], [8].

Đối với thông lệ quốc tế, hoạt động NCKH của mỗi trường ĐH và mỗi cá nhân GV được đánh giá rất cao. Chẳng hạn, trong tiêu chí xếp hạng ĐH uy tín hàng đầu thì tiêu chí NCKH đóng một vai trò chủ chốt [3], [5], [13]. Tiêu chí bổ nhiệm GV của các trường ĐH có uy tín dựa nhiều vào kết quả NCKH [5], [13]. Thông thường để đo hiệu quả và chất lượng NCKH của một GV và của cả một trường ĐH, người ta thường tính số bằng sáng chế đối với nghiên

cứ ứng dụng và số bài báo khoa học đối với nghiên cứu cơ bản [13].

Để hội nhập và phát triển một cách bền vững, việc nâng cao chất lượng hoạt động NCKH của đội ngũ GV phải đóng vai trò quyết định. Trong bài viết này, chúng tôi định lượng công bố khoa học của GV Trường Đại học Đồng Tháp (ĐHĐT) trong giai đoạn 2003-2013, tính theo thời điểm Trường ĐHĐT được nâng cấp từ Trường Cao đẳng Sư phạm Đồng Tháp. Đồng thời, chúng tôi đề xuất một số định hướng nhằm mục đích nâng cao số lượng công bố khoa học có chất lượng của GV Trường ĐHĐT trong thời gian tới.

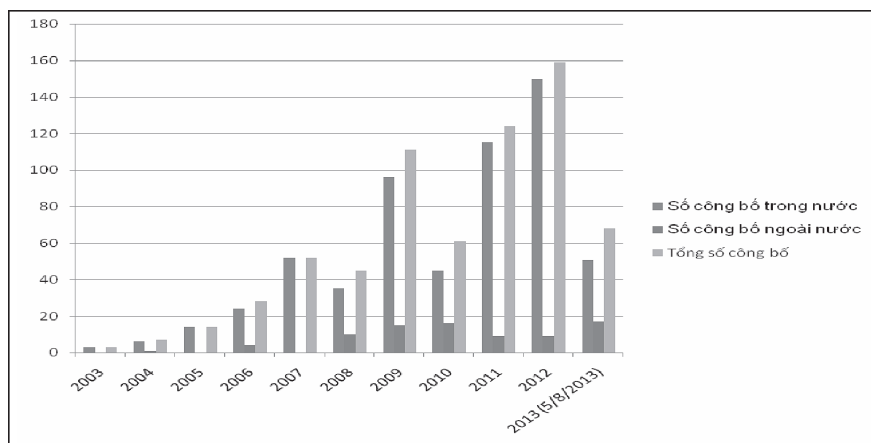
### 2. Công bố khoa học của Trường ĐHĐT 2003 - 2013

Theo tài liệu [11] và [12], số lượng công bố khoa học của Trường ĐHĐT giai đoạn 2003-2013 chỉ có bài báo khoa học, chưa có bằng sáng chế. Cụ thể, số lượng đó được thể hiện trong bảng 1.

**Bảng 1. Công bố khoa học của Trường ĐHĐT giai đoạn 2003-2013**

Năm	Trong nước	Ngoài nước	Tổng số công bố
2003	3	0	3
2004	6	1	7
2005	14	0	14
2006	24	4	28
2007	52	0	52
2008	35	10	45
2009	96	15	111
2010	45	16	61
2011	115	9	124
2012	150	9	159
2013 (5/8/2013)	51	17	68

(\*) Khoa Sư phạm Toán - Tin, Trường Đại học Đồng Tháp.



**Biểu đồ 1. Công bố khoa học của Trường ĐHTT giai đoạn 2003 -**

Với xấp xỉ 350 GV, trong 2 năm gần đây nhất, số công trình trung bình của mỗi GV Trường ĐHTT lần lượt là 0.35 và 0.45.

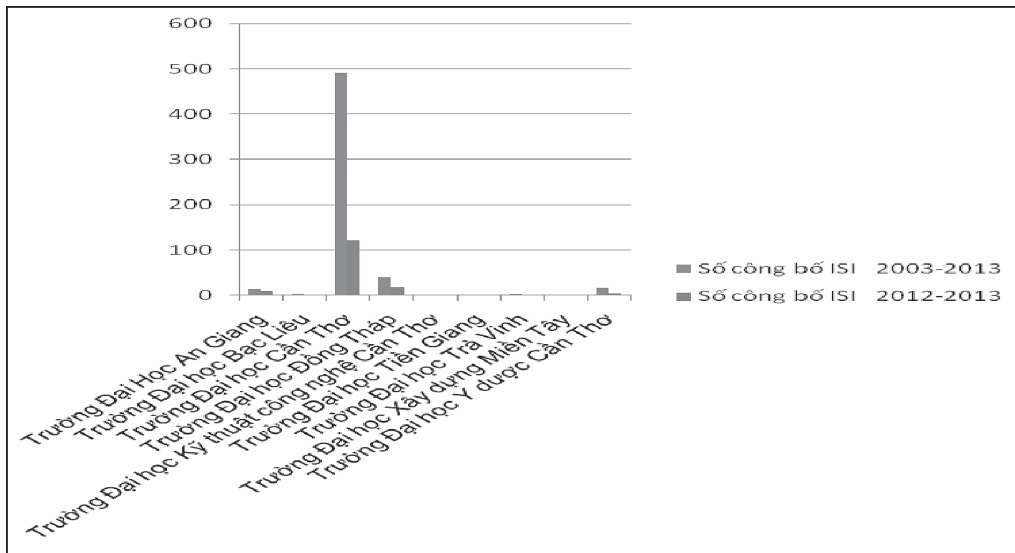
Viện Thông tin khoa học (Institute for Scientific Information, ISI, Hoa Kỳ) đã xét chọn chất lượng của các tạp chí trên thế giới một cách khắt khe và kỹ lưỡng để đưa vào cơ sở dữ liệu của họ [6], [13]. Mặc dù vẫn còn có những ý kiến chưa thống nhất, nhưng ISI vẫn là một trong rất ít cách phân loại được thừa nhận và sử dụng rộng rãi khi bàn luận về chất lượng khoa học của các công trình nghiên cứu thuộc mọi lĩnh vực từ khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, kỹ thuật, công nghệ, nghệ thuật và nhân văn. Liên hợp quốc, các chính phủ và các tổ chức quốc tế thường sử dụng thống kê của ISI trong quản lý và hoạch định các chính sách

khoa học, kỹ thuật. Các thống kê và đánh giá về khoa học, công nghệ và kỹ thuật nếu không theo ISI thì bị lệch so với thống kê quốc tế [6], [13]. Chuẩn ISI cũng đang được Bộ Khoa học và Công nghệ Việt Nam và nhiều trường ĐHTT trong nước sử dụng trong thống kê và đánh giá về khoa học.

Theo [1], vùng ĐBSCL có 9 trường ĐHTT công lập. Xét trong giai đoạn 2003-2013, theo dữ kiện của Web of Knowledge (Science Citation Index Expanded (SCI-EXPANDED)--2003-present; Social Sciences Citation Index (SSCI)--2003-present; Arts & Humanities Citation Index (A&HCI)--2003-present) chúng tôi thống kê được số công bố ISI của các trường ĐHTT công lập khu vực ĐBSCL tới ngày 15/11/2013 như trong bảng 2.

**Bảng 2. Số công bố ISI của các trường ĐHTT công lập vùng ĐBSCL**

STT	Trường	Cơ quan chủ quản	Tỉnh/Thành phố	Số công bố ISI 2003-2013	Số công bố ISI 2012-2013
1	Trường Đại học An Giang	UBND Tỉnh An Giang	An Giang	14	9
2	Trường Đại học Bạc Liêu	UBND Tỉnh Bạc Liêu	Bạc Liêu	2	0
3	Trường Đại học Cần Thơ	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Cần Thơ	490	121
4	Trường ĐHTT	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Đồng Tháp	40	18
5	Trường Đại học Kỹ thuật công nghệ Cần Thơ	UBND TP. Cần Thơ	Cần Thơ	0	0
6	Trường Đại học Tiền Giang	UBND Tỉnh Tiền Giang	Tiền Giang	1	1
7	Trường Đại học Trà Vinh	UBND Tỉnh Trà Vinh	Trà Vinh	2	1
8	Trường Đại học Xây dựng Miền Tây	Bộ Xây dựng	Vĩnh Long	0	0
9	Trường Đại học Y dược Cần Thơ	Bộ Y tế	Cần Thơ	15	5



**Biểu đồ 2. Công bố ISI của các trường ĐH công lập vùng ĐBSCL**

Trường ĐHTT đứng thứ hai về số công bố ISI của các trường ĐH công lập vùng ĐBSCL giai đoạn 2003-2013. Mặc dù có sự chênh lệch 12.5 lần giữa số lượng công bố quốc tế theo chuẩn ISI của Trường ĐHTT với trường đứng thứ nhất là Trường ĐH Cần Thơ, tuy nhiên nếu tính theo tỉ lệ công bố trên đầu GV trong những năm gần đây thì sự chênh lệch này giảm xuống còn 2 lần. Cụ thể, trong 2 năm 2012-2013, Trường ĐHTT có 18 công bố ISI trên xấp xỉ 350 GV (tỉ lệ 0.05 công bố ISI/GV/2 năm) trong khi Trường ĐH Cần Thơ có 121 công bố ISI trên xấp xỉ 1200 GV (tỉ lệ 0.1 công bố ISI/GV/2năm).

### 3. Một số định hướng

Số lượng công bố khoa học nhìn chung không phản ánh một cách chính xác chất lượng của hoạt động NCKH. Tuy nhiên, nó là chỉ số tốt nhất mà các tổ chức đánh giá có thể sử dụng. Số lượng những công bố khoa học có chất lượng là cái đích mà các trường ĐH hướng đến. Do đó, Trường ĐHTT cần hướng đến nâng cao số lượng những công bố khoa học có chất lượng. Chúng tôi đề xuất một số định hướng để có thể nâng cao số lượng những công bố khoa học có chất lượng của GV Trường ĐHTT trong thời gian tới như sau.

a) *Coi công bố khoa học trên những tạp chí khoa học là chuẩn khoa học hàng đầu của GV.* Trường ĐHTT đã có chuẩn NCKH, xem [10]. Chuẩn đó có nhiều hoạt động và kết quả được coi là khoa học, nhưng cần chú trọng và khuyến khích vào *công bố khoa học trên những tạp chí khoa học.* Riêng với Tạp chí khoa học Trường ĐHTT, cần duy trì các quy trình phản biện nghiêm túc để những

công bố trên tạp chí của trường thực sự có chất lượng và được cộng đồng đánh giá cao. Mỗi GV, bộ môn cần hướng tới công bố những công trình nghiên cứu trên những tạp chí khoa học hàng đầu trong nước của chuyên ngành và cao hơn là những tạp chí có tên trong danh mục ISI.

b) *Mỗi bộ môn cần thực sự “chịu trách nhiệm về học thuật trong các hoạt động về đào tạo, khoa học, công nghệ”.* Mỗi bộ môn cần có tối thiểu một nhóm nghiên cứu thực sự, là một diễn đàn để có thể phản biện các công trình khoa học, các đề tài, các khoá luận, các luận văn, luận án. Hoạt động của mỗi bộ môn cần đi vào vấn đề học thuật, tránh tình trạng coi hoạt động hướng dẫn đề tài khoa học, hướng dẫn khoá luận, phản biện bài viết, phản biện đề tài chỉ dừng ở mức sửa lỗi chính tả, lỗi hành văn. Hơn nữa, nhiều GV chưa có công trình khoa học chỉ vì *chưa biết cách công bố* kết quả nghiên cứu của bản thân. Bộ môn phải là nơi tạo cơ hội để các GV đó tập dượt viết bài và trình bày kết quả NCKH theo thông lệ chung. Bộ môn cũng cần là đầu mối trong trao đổi, giao lưu, hợp tác trong nghiên cứu. Bên cạnh đó, các nhóm nghiên cứu sẽ phần nào khắc phục được tình trạng không nghiên cứu mà vẫn công bố, coi công bố quan trọng hơn nghiên cứu trong khi công bố phải là hệ quả tất yếu của việc nghiên cứu nghiêm túc. Đặc biệt, hiện tại Trường ĐHTT có đào tạo cao học, việc sinh hoạt học thuật lại cần tiếp tục đi vào nề nếp và có chất lượng, cần gắn đào tạo cao học với NCKH ở mỗi bộ môn, mỗi chuyên ngành.

c) *Tạo môi trường sử dụng tiếng Anh chuyên ngành cho GV.* Để có thể công bố và trao đổi nghiên

cứu khoa học thì tiếng Anh là một công cụ rất cần thiết. Trường ĐHTT đã có chuẩn tiếng Anh cho GV trẻ. Việc đạt chuẩn tiếng Anh là khó nhưng việc khó hơn là có môi trường để các GV cần sử dụng, duy trì và nâng cao được trình độ tiếng Anh đã đạt chuẩn của bản thân. Các bộ môn phải tạo được diễn đàn để các GV sử dụng được tiếng Anh trong chuyên ngành của mỗi GV. Chẳng hạn, các bộ môn cần tận dụng được đội ngũ GV đã, đang đào tạo ở nước nói tiếng Anh, các GV có khả năng sử dụng tiếng Anh chuyên ngành để đưa nội dung tiếng Anh vào sinh hoạt chuyên môn định kỳ, tập dượt viết bài, trao đổi, báo cáo chuyên đề bằng tiếng Anh.

#### 4. Kết luận

Định lượng kết quả hoạt động NCKH đóng vai trò quan trọng trong việc nhận thức rõ vị trí hiện tại của Trường ĐHTT và định hướng cho giai đoạn tới. Xu hướng đánh giá chất lượng GV qua công trình khoa học ngày càng được thừa nhận trong môi trường ĐH Việt Nam. Với những định hướng phù hợp, các bộ môn và GV Trường ĐHTT cần đề ra giải pháp cụ thể phù hợp để nâng cao số lượng công bố của bộ môn, của cá nhân mỗi GV, qua đó, góp phần quan trọng vào việc nâng cao vị thế và chất lượng của Trường ĐHTT trong khu vực ĐBCSL cũng như trong cả nước./

#### Tài liệu tham khảo

- [1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Danh sách các trường ĐH công lập*, Công văn số 2812/BGDĐT-KHTC ngày 03 tháng 5 năm 2013.
- [2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Quy định chế độ làm việc của GV*, Ban hành kèm theo Quyết định 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28 tháng 11 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- [3]. Lê Đình (2013), *Các tiêu chí đánh giá xếp hạng trường ĐH trên thế giới và đề nghị cho Việt Nam*, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế.
- [4]. Nguyễn Hữu Đức, Nguyễn Quý Thanh (2013), *Xếp hạng và đối sánh trong giáo dục ĐH: Kinh nghiệm của Đại học Quốc gia Hà Nội*.
- [5]. Phạm Duy Hiên (2013), “So sánh năng lực nghiên cứu khoa học của 11 nước Đông Á dựa trên các công bố quốc tế và bài học rút ra cho Việt Nam”, *Thông tin của Hội đồng chức danh Giáo sư nhà nước*, <http://www.hdcgsmn.gov.vn>.
- [6]. Trần Văn Nhung (2013), “Một vài thông tin về mã số chuẩn quốc tế cho tạp chí và sách, về sự phân loại tạp chí khoa học và cách trình bày một bài báo trong tạp chí khoa học”, *Thông tin của Hội đồng chức danh Giáo sư nhà nước*. <http://www.hdcgsmn.gov.vn>.
- [7]. Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (2012), *Luật Giáo dục Đại học*, số 08/2012/QH13.
- [8]. Thủ tướng Chính phủ (2003), Quyết định số 153/2003/QĐ-TTg về *Điều lệ trường ĐH*, ban hành ngày 30 tháng 7 năm 2003.
- [9]. Thủ tướng Chính phủ (2012), Quyết định số 711/QĐ-TTg về *Chiến lược phát triển giáo dục Việt Nam giai đoạn 2011-2020*, ban hành ngày 13 tháng 6 năm 2012 .
- [10]. Trường ĐHTT (2013), *Quy định về Quản lý hoạt động khoa học và công nghệ*, Ban hành theo số 352/2011/QĐ-ĐHTT-KHCN ngày 22 tháng 6 năm 2011.
- [11]. Trường ĐHTT (2013), *Thống kê bài báo khoa học trong nước*, <http://dthu.edu.vn/details.aspx?id=200&la=vn&pa=3>.
- [12]. Trường ĐHTT (2013), *Thống kê bài báo khoa học ngoài nước*, <http://dthu.edu.vn/details.aspx?id=199&la=vn&pa=3>.
- [13]. Nguyễn Văn Tuấn (2011), *Đi vào nghiên cứu khoa học*, Nhà xuất bản tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

#### Summary

The paper quantifies the scientific papers of Dong Thap University in the period 2003-2013, and compares the number of ISI papers published by Dong Thap University and those by public universities in the Mekong Delta during that period. Some suggestions are given to increase the volume of scientific papers of Dong Thap University in the coming years.

Keywords: ISI, scientific paper

Ngày nhận bài: 19/11/2013; ngày nhận đăng: 11/7/2014.